TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/DS-ST
Ngày: 03 - 5 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Ông Phan Kiên Nhẫn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 241/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ trụ sở Số B - B, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Đức Thạch D; địa chỉ làm việc Số B - B, đường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Vắng mặt).

2. Ông Huỳnh Nghĩa N; địa chỉ Số A, Tổ A, đường P, Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 3272/2022/QĐ-PL ngày 26 tháng 12 năm 2022 - Vắng mặt).

3. Anh Đặng Vũ H; địa chỉ Số A, Tổ A, đường P, Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện của nguyên đơn theo ủy quyền lại của ông Huỳnh Nghĩa N (Văn bản ủy quyền số: 125/2023/UQ-PGDTB ngày 25 tháng 10 năm 2023 - Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1968; địa chỉ Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2023 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Đặng Vũ H trình bày:

- Ngày 16/10/2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S) cùng với ông Nguyễn Văn H1 ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số: 1371741 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, kèm theo bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S có hiệu lực ngày 15/8/2016 - các văn bản này được gọi chung là hợp đồng tín dụng) với nội dung:

Ngân hàng S đồng ý cấp cho ông H1 thẻ tín dụng loại thẻ JCB, với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng; mục đích giao dịch (mua hàng, thanh toán hàng hóa) tiêu dùng cá nhân và rút tiền mặt; thời hạn sử dụng thẻ đến tháng 10/2024; lãi suất thỏa thuận tại thời điểm làm thẻ là 2,6%/tháng và có thay đổi theo từng thời kỳ của ngân hàng, lãi phát sinh trên tài khoản được tính tương ứng với từng giao dịch mua hàng hóa hoặc giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt; bên cạnh lãi suất chủ thẻ còn phải trả các loại phí liên quan đến thẻ theo mức phí quy định tại Biểu phí hiện hành hoặc Biểu phí mới (khi mức phí thay đổi, có hiệu lực) được công bố trên trang website tại địa chỉ "www.S1.com.vn" hoặc tại bất kỳ chi nhánh, phòng giao dịch của Ngân hàng S, tất cả các phí được ghi vào tài khoản của chủ thẻ ngay lập tức hay vào thông báo giao dịch kỳ tiếp theo tùy từng trường hợp; việc thanh toán đối với các khoản dư nợ theo thứ tự như sau: (i) các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, (ii) giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, (iii) giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, (iv) các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, (v) giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, (vi) giao dịch mua hàng hóa; ngày chốt thông báo giao dịch vào ngày 22 hàng tháng; trường hợp thẻ vi phạm nghĩa vụ không thanh toán số tiền tối thiểu của kỳ thông báo giao dịch đã phát hành cho đến kỳ thông báo giao dịch tiếp theo thì Ngân hàng S sẽ tạm ngưng hoặc chấm dứt quyền sử dụng thẻ của chủ thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm quá hạn trên toàn bộ dư nợ, không tính các loại phí và tiến hành các biện pháp cần thiết để thu toàn bộ nợ.

- Thực hiện hợp đồng tín dụng: Ngày 16/10/2019, Ngân hàng S phát hành và cấp cho ông H1 thẻ tín dụng loại JCB, số thẻ 356481-4075, hạn mức sử dụng 20.000.000 đồng. Ngày 22/11/2019, ông H1 kích hoạt thẻ rút tiền mặt số tiền 18.000.000 đồng. Kể từ ngày kích hoạt thẻ rút tiền mặt đến ngày 22/6/2022, ông H1 thanh toán đầy đủ số tiền tối thiểu theo thông báo giao dịch hàng tháng. Sau đó, ông H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thông báo giao dịch trong 03 kỳ liên tiếp từ ngày 22/07/2022 đến ngày 21/9/2022. Mặc dù, trong thời gian đó Ngân hàng S đã nhiều lần làm việc nhắc nhở yêu cầu ông H1 thanh toán các khoản dư nợ theo thứ tự thanh toán quy định tại Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, nhưng ông H1 không thực hiện. Căn cứ quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng S đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ của ông H1, chuyển toàn bộ dư nợ 23.069.424 đồng sang nợ quá hạn, tính lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ. Tính đến ngày 03/5/2024, ông H1 nợ Ngân hàng S tổng cộng số tiền 40.703.544 đồng (trong đó: nợ gốc 23.069.424 đồng, nợ lãi quá hạn 17.634.120 đồng).

Nay, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền 40.703.544 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng tính kể từ ngày 04/5/2024 cho đến khi trả xong nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng (hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng hay hợp đồng tín dụng về hoạt động thẻ ngân hàng) thuộc loại vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Xét việc Ngân hàng S và ông H1 thỏa thuận xác lập, thực hiện quan hệ cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản thẻ ngân hàng thông qua hoạt động phát hành và sử dụng thẻ tín dụng loại JCB, với hạn mức sử dụng 20.000.000 đồng; mục đích sử dụng thẻ dùng vào giao dịch tiêu dùng cá nhân và rút tiền mặt; có thỏa thuận về lãi suất, cách tính lãi suất, các loại phí dịch vụ thẻ theo Biểu phí đã được công bố, niêm yết công khai, thứ tự ưu tiên thanh toán và thời hạn thanh toán, về số tiền tối thiểu và số lần chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ thanh toán sẽ bị tạm ngưng hoặc chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển nợ quá hạn, thu nợ là đúng quy định tại khoản 14 và khoản 15 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 94,

điểm d khoản 3, khoản 4, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; các khoản 1, 3, 11 và 24 Điều 3, khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 9, các khoản 1, 4 và 5 Điều 10, khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 14, khoản 1 và khoản 3 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 16 Thông tư số: 19/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng (gọi tắt là Thông tư số: 19/2016/TT-NHNN).

[2] Trong quá trình sử dụng thẻ, ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ không thanh toán số tiền tối thiểu theo thông báo giao dịch trong 03 kỳ liên tiếp từ 22/07/2022 đến ngày 22/9/2022. Do đó, ngày 22/9/2022 Ngân hàng S tạm khóa quyền sử dụng thẻ của ông H1, chuyển toàn bộ dư nợ số tiền 23.069.424 đồng sang nợ quá hạn, thu hồi nợ quá hạn, khởi kiện yêu cầu ông H1 trả nợ tính đến ngày 03/5/2024 số tiền 40.703.544 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp tín dụng tính kể từ ngày 04/5/2024 cho đến khi trả xong nợ là đúng quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm k khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng như nhận định tại các mốc đơn [1], [2] "*Về tố tụng*" và các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án giải quyết:

[1] Ông H1 phải nộp án phí tính tròn số tiền 2.035.177 đồng.

[2] Hoàn trả cho Ngân hàng S được nhận lại số tiền 875.136 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

- Áp dụng khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.

Tuyên xử:

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 40.703.544 (Bốn mươi triệu bảy trăm lẻ ba nghìn năm trăm bốn mươi bốn) đồng.

1.2. Buộc ông Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 16 tháng 10 năm 2019, kèm theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực ngày 15 tháng 8 năm 2016 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Thời điểm trả lãi tiếp theo được tính kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2024 cho đến khi ông H1 trả xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn H1 phải nộp án phí số tiền 2.035.177 (Hai triệu không trăm ba mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi bảy) đồng.

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại số tiền 875.136 (T trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm ba mươi sáu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0013755 ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt anh Đặng Vũ H (người đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng, không có quyền kháng cáo); vắng mặt bà Nguyễn Đức Thạch D (người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn), ông Huỳnh Nghĩa N (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có quyền kháng cáo), ông Nguyễn Văn H1. Báo cho bà D, ông N biết có quyền đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần S kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Báo cho ông H1 biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ĐD.NĐ + BĐ: 04;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.